

cuu duong than cong. com

Chương 6

Kế hoạch lợi nhuận

cuu duong than cong. com

Bản quyền thuộc ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

Mục tiêu 1

Hiểu tại sao cần
lập dự toán cho DN
và chu trình lập dự toán



Cơ sở lập dự toán

Dự toán là bản kế hoạch định lượng chi tiết việc huy động và sử dụng nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác trong thời gian xác định sắp tới.

1. Lập dự toán.
2. Sử dụng dự toán để kiểm soát hoạt động của DN → kiểm soát bằng dự toán



Kế hoạch và Kiểm soát

Kế hoạch

xây dựng mục tiêu và lập dự toán để đạt được các mục tiêu đó.

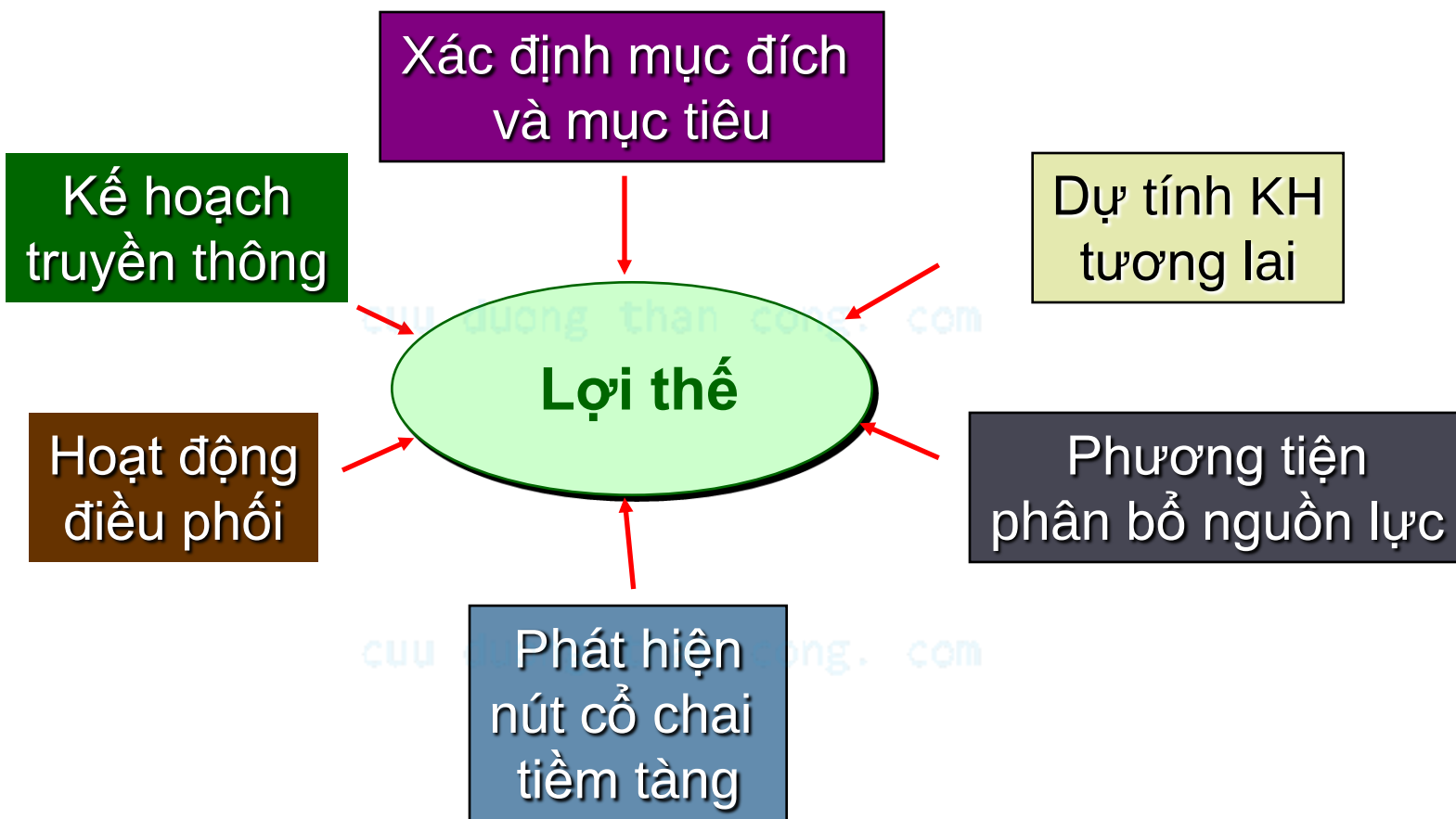


Kiểm soát

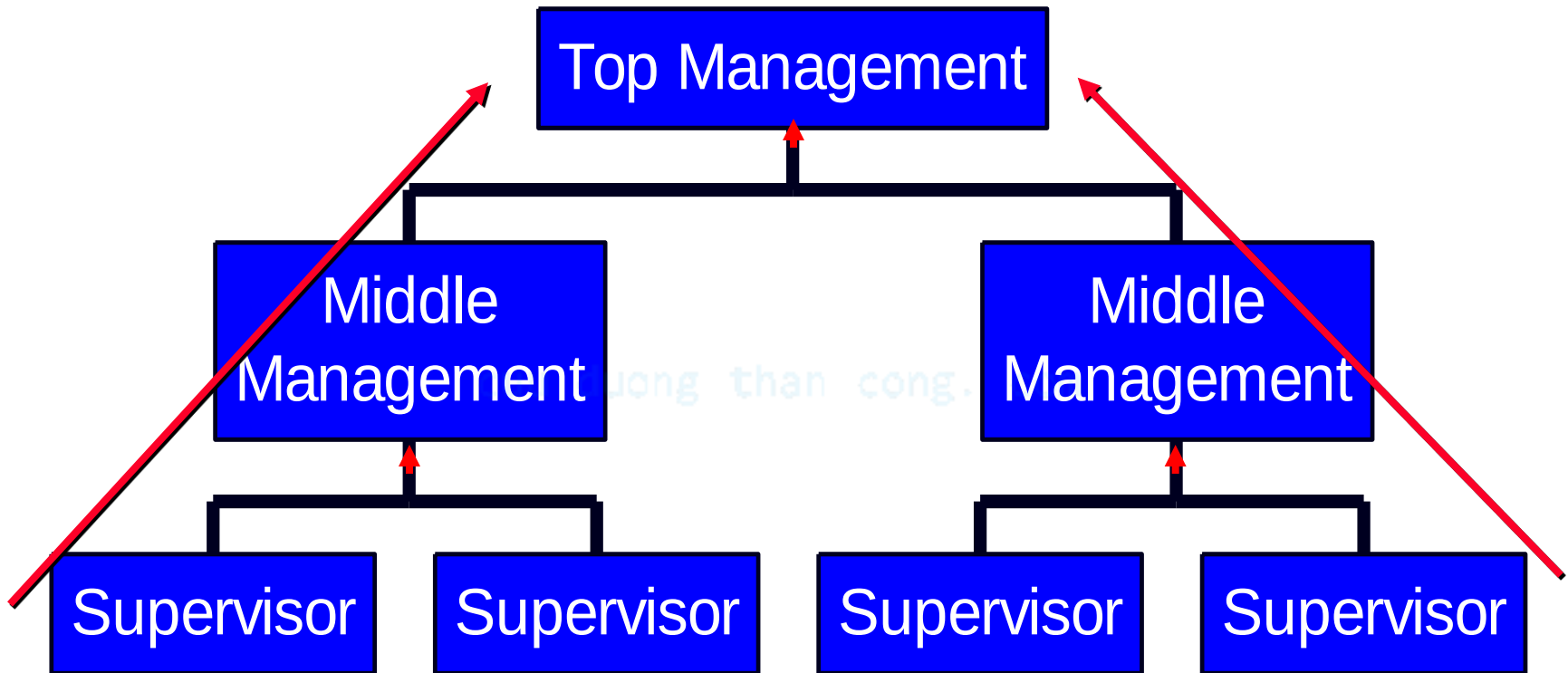
các bước thực hiện của nhà QT nhằm làm tăng khả năng đạt được mục tiêu, hoàn thành kế hoạch, đảm bảo hoạt động của các bộ phận trong tổ chức đều hướng đến mục tiêu.



Lợi thế của việc lập dự toán

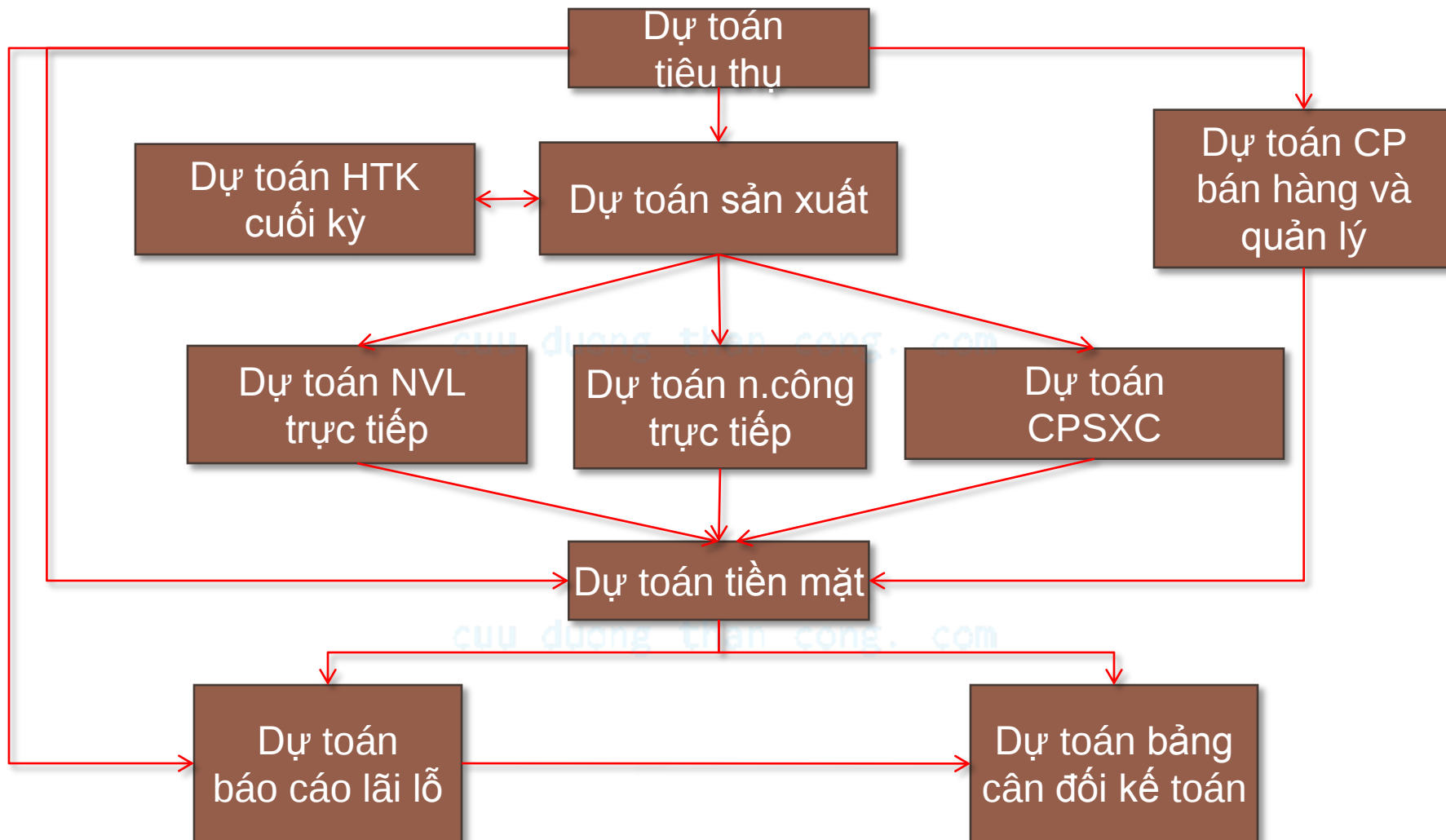


Dự toán tự thiết kế bởi mọi cấp quản lý



Là dự toán được lập trên cơ sở hợp tác và tham gia đầy đủ của các nhà quản trị ở mọi cấp sơ-trung-cao cấp.

Dự toán tổng thể: Tổng quan



Mục tiêu 2

Lập dự toán tiêu thụ,
bao gồm dự toán
dòng tiền thu về



Ví dụ dự toán

❶ Công ty Royal đang lập dự toán cho quý II (30/6)

❷ Dự toán SL tiêu thụ trong 5 tháng tới như sau:

Tháng 4 20,000 đv

Tháng 5 50,000 đv

Tháng 6 30,000 đv

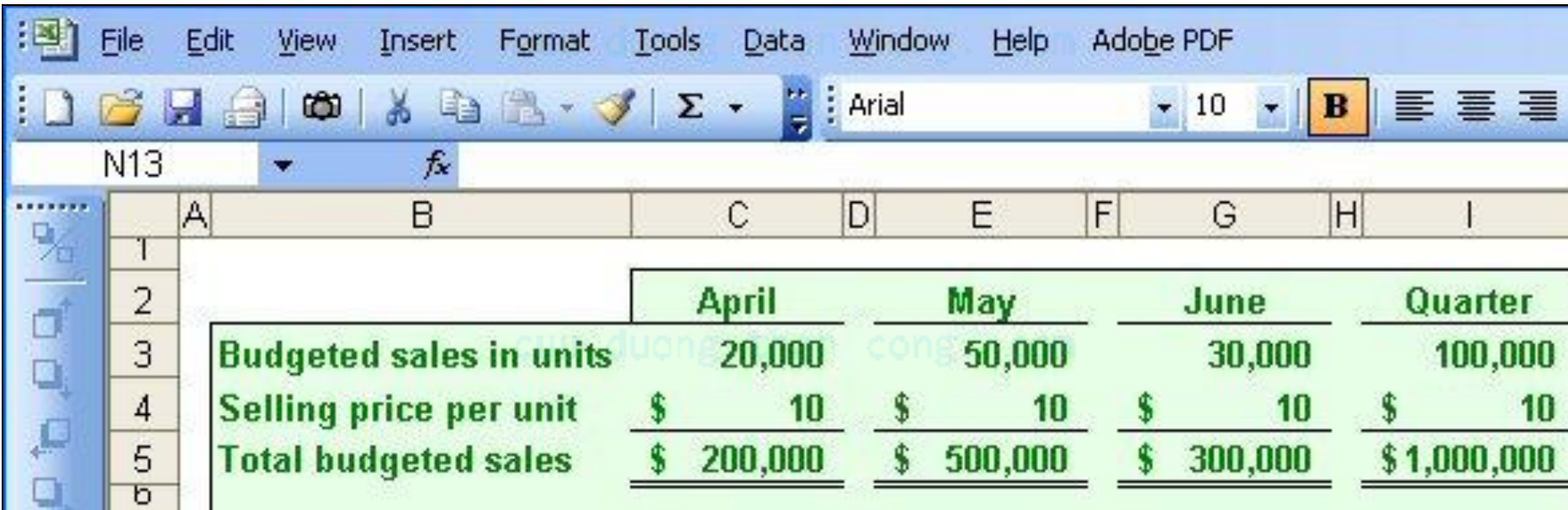
Tháng 7 25,000 đv

Tháng 8 15,000 đv

❸ Đơn giá bán là \$10/đv.

Dự toán doanh số

Tổng hợp doanh số ước tính của 03 tháng 4-5-6 để tính dự toán doanh số tổng thể cho quý II kết thúc ngày 30/6/N:



	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1									
2			April		May		June		Quarter
3		Budgeted sales in units	20,000		50,000		30,000		100,000
4		Selling price per unit	\$ 10		\$ 10		\$ 10		\$ 10
5		Total budgeted sales	\$ 200,000		\$ 500,000		\$ 300,000		\$ 1,000,000
6									

Dự toán dòng tiền thu về

- ▶ Doanh số bán chịu.
- ▶ Tình hình nợ phải thu của Công ty Royal:
 - 70% thu được trong tháng phát sinh nợ,
 - 25% thu được trong tháng kế tiếp,
 - 5% không thu hồi được.
- ▶ Số dư TK nợ phải thu tại 31/3 là \$30,000 (dự kiến thu hồi đủ).

Dự toán dòng tiền thu về

File Edit View Insert Format Tools Data Window Help Adobe PDF										
M29 fx Arial 10 B										
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
7										
8			April		May		June		Quarter	
9		Accounts receivable 3/31	\$ 30,000						\$ 30,000	
10		April Sales								
11		70% x \$200,000	140,000						140,000	
12		25% x \$200,000			50,000				50,000	
13		May Sales								
14		70% x \$500,000			350,000				350,000	
15		25% x \$500,000					125,000		125,000	
16		Jun Sales								
17		70% x \$300,000					210,000		210,000	
18		Total cash collections	\$ 170,000	\$ 400,000	\$ 335,000	\$ 905,000				
19										

Mục tiêu 3

Lập dự toán sản xuất

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com



Dự toán sản xuất

- ▶ Ban điều hành Công ty Royal muốn HTK cuối kỳ đạt 20% sản lượng tiêu thụ tháng kế tiếp.
- ▶ Số dư HTK tại 31/3 là 4,000 đv.

Yêu cầu lập dự toán sản xuất.

Dự toán sản xuất

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
21			April	May	June	Quarter				
22		Budgeted Sales	20,000	50,000	30,000	100,000				
23		Add: Desired ending inventory	10,000	6,000	5,000	5,000				
24		Total Needs	30,000	56,000	35,000	105,000				
25		Less: Beginning inventory	4,000	10,000	6,000	4,000				
26		Required production	26,000	46,000	29,000	101,000				
27										

Giả định HTK cuối kỳ

Mục tiêu 4

Lập dự toán CPNVL
trực tiếp, bao gồm lập
dự toán dòng tiền chi ra
để mua sắm NVL



Dự toán CPNVL trực tiếp

- ▶ Tại Công ty Royal, để SX 01 đvsp cần **5 kg NVL**.
- ▶ Ban điều hành muốn NVL tồn kho cuối kỳ hàng tháng đạt **10%** nhu cầu NVL cần để SX tháng kế tiếp.
- ▶ Tại 31/3, NVL tồn kho là 13,000 kg. Đơn giá NVL là **\$0.40/kg**.

cuuduongthancong.com

Yêu cầu lập dự toán CPNVL trực tiếp.

Dự toán CP NVL trực tiếp

M51										
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
28			April		May		June		Quarter	
29	Production		26,000		46,000		29,000		101,000	
30	Materials per unit (pounds)		5		5		5		5	
31	Production needs		130,000		230,000		145,000		505,000	
32	Add: Desired ending inventory		23,000		14,500		11,500		11,500	
33	Total needed		153,000		244,500		156,500		516,500	
34	Less: Beginning inventory		13,000		23,000		14,500		13,000	
35	Materials to be purchased		140,000		221,500		142,000		503,500	
36										

Giả định HTK cuối kỳ

Dự toán dòng tiền chi mua NVL

- ▶ Đơn giá mua NVL của Công ty Royal là **\$0.40/kg**.
- ▶ *50% tiền mua NVL được thanh toán trong tháng, còn lại trả vào tháng sau.*
- ▶ Số dư nợ phải trả tại 31/3 là \$12,000.

Yêu cầu lập dự toán dòng tiền chi mua NVL.

Dự toán dòng tiền chi mua NVL

L61									
	A	B	C	D	E	F	G	H	I
28			April		May		June		Quarter
37	Accounts payable 3/31		\$ 12,000						\$ 12,000
38	April purchases								
39	50% x \$56,000		28,000						28,000
40	50% x \$56,000				28,000				28,000
41	May purchases								
42	50% x \$88,600				44,300				44,300
43	50% x \$88,600						44,300		44,300
44	June purchases								
45	50% x \$56,800						28,400		28,400
46	Total cash disbursements		<u>\$ 40,000</u>		<u>\$ 72,300</u>		<u>\$ 72,700</u>		<u>\$ 185,000</u>

Mục tiêu 5

Lập dự toán CP
nhân công
trực tiếp



Dự toán CP nhân công trực tiếp

- ▶ Tại Công ty Royal, để SX 1 đvsp cần 0.05 giờ (3 phút) nhân công trực tiếp.
- ▶ Công ty áp dụng chính sách “no layoff”, vì vậy tất cả công nhân đều được thanh toán 40 giờ công.
- ▶ Giả định Công ty Royal trả đều mức \$10/giờ cho mọi công nhân.
- ▶ Trong 3 tháng tới, cần thanh toán CP nhân công cho tối thiểu 1,500 giờ công/tháng.

Yêu cầu lập dự toán CP nhân công trực tiếp.

Dự toán CP nhân công trực tiếp

M69										
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
28			April		May		June		Quarter	
48		Units of production	26,000		46,000		29,000		101,000	
49		Direct labor per unit	0.05		0.05		0.05		0.05	
50		Labor hours required	1,300		2,300		1,450		5,050	
51		Guaranteed labor hours	1,500		1,500		1,500			
52		Labor hours paid	1,500		2,300		1,500		5,300	
53		Hourly wage rate	\$ 10		\$ 10		\$ 10		\$ 10	
54		Total direct labor costs	\$ 15,000		\$ 23,000		\$ 15,000		\$ 53,000	
55										

Mục tiêu 6

Lập dự toán chi phí sản xuất chung



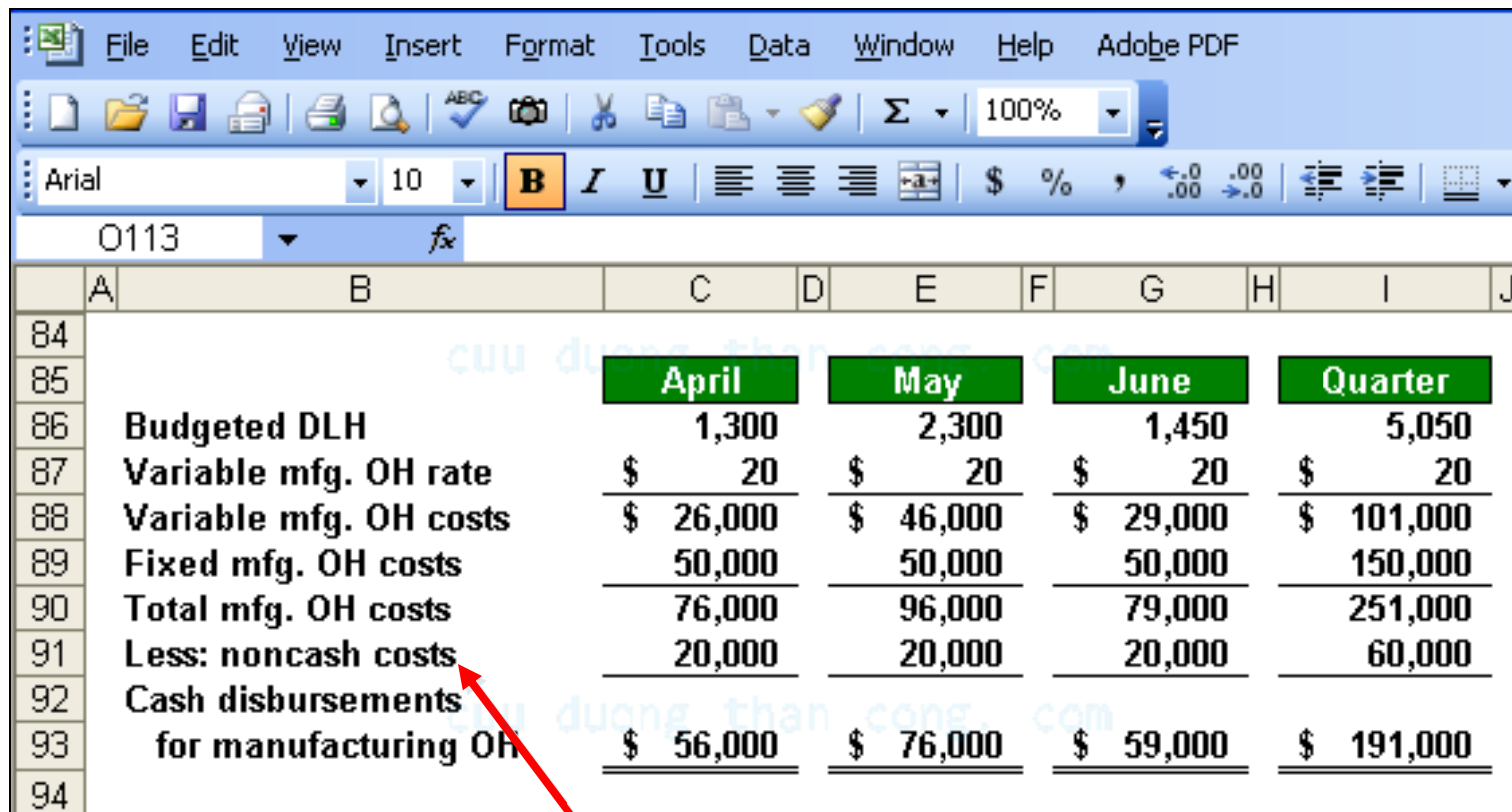
Dự toán chi phí sản xuất chung

- ▶ Tại Công ty Royal, chi phí SXC được phân bổ cho đvsp dựa trên cơ sở số giờ công trực tiếp.
- ▶ Biến phí SXC đơn vị là \$20/giờ công trực tiếp.
- ▶ Định phí SXC là \$50,000/tháng, bao gồm \$20,000 chi phí phi tiền mặt (chủ yếu là khấu hao tài sản).

Yêu cầu lập dự toán chi phí sản xuất chung.

cuu duong than cong . com

Dự toán chi phí sản xuất chung



	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
84										
85			April	May	June	Quarter				
86		Budgeted DLH	1,300	2,300	1,450	5,050				
87		Variable mfg. OH rate	\$ 20	\$ 20	\$ 20	\$ 20				
88		Variable mfg. OH costs	\$ 26,000	\$ 46,000	\$ 29,000	\$ 101,000				
89		Fixed mfg. OH costs	50,000	50,000	50,000	150,000				
90		Total mfg. OH costs	76,000	96,000	79,000	251,000				
91		Less: noncash costs	20,000	20,000	20,000	60,000				
92		Cash disbursements								
93		for manufacturing OH	\$ 56,000	\$ 76,000	\$ 59,000	\$ 191,000				
94										

Khấu hao là chi phí phi tiền mặt

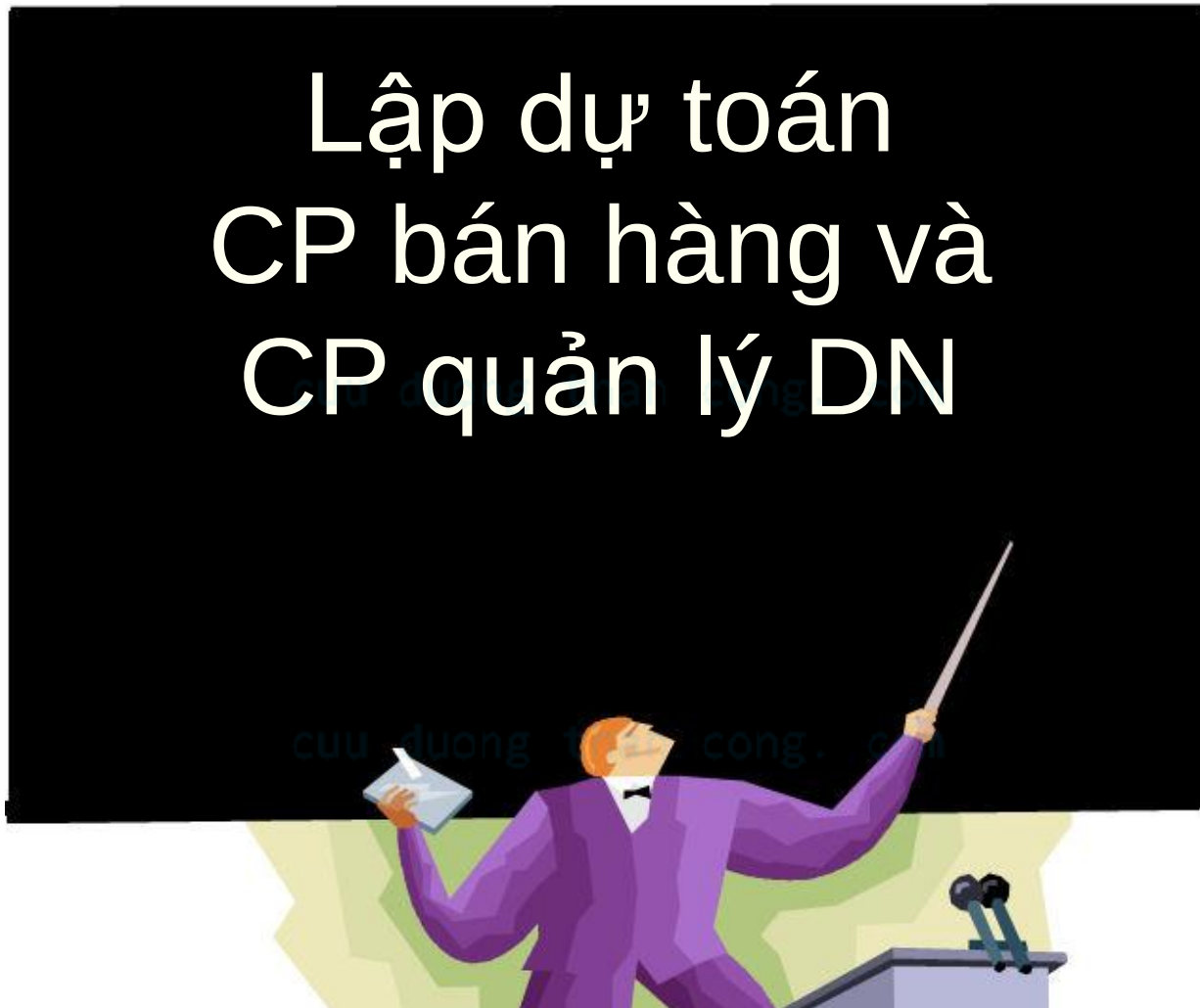
Dự toán hàng tồn kho cuối kỳ

<u>Chi phí SX đv</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Đơn giá</u>	<u>Thành tiền</u>
NVL trực tiếp	5.00 kg	\$ 0.40	\$ 2.00
Nhân công trực tiếp	0.05 giờ	\$10.00	0.50
SX chung	0.05 giờ	\$49.70	2.49
			<u>\$ 4.99</u>
<u>Dự toán Thành phẩm cuối kỳ</u>			
SL tồn cuối kỳ			<u>5.000</u>
Giá thành đv			\$ 4.99
Giá trị Thành phẩm tồn CK			<u>\$24,950</u>

Dự toán sản xuất

Mục tiêu 7

Lập dự toán
CP bán hàng và
CP quản lý DN



Dự toán CP bán hàng và CPQLDN

- ▶ Tại Công ty Royal, dự toán CPBH và CPQLDN được chia thành 2 bộ phận: biến phí và định phí.
- ▶ Biến phí bán hàng và QLDN đơn vị là \$0.50/đvsp tiêu thụ.
- ▶ Định phí bán hàng và QLDN là \$70,000/tháng.
- ▶ Định phí bán hàng và QLDN gồm \$10,000 chi phí khấu hao – là khoản chi phí tiền mặt trong kỳ.

Yêu cầu lập dự toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

cuu duong than cong . com

Dự toán CP bán hàng và CPQLDN

File Edit View Insert Format Tools Data Window Help Adobe PDF										
N78										
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1										
28			April	May	June	Quarter				
48		Budgeted sales	20,000	50,000	30,000	100,000				
57		Variable S & A rate	\$ 0.50	\$ 0.50	\$ 0.50	\$ 0.50				
58		Variable expenses	\$ 10,000	\$ 25,000	\$ 15,000	\$ 50,000				
59		Fixed S & A expenses	70,000	70,000	70,000	210,000				
60		Total S & A expenses	80,000	95,000	85,000	260,000				
61		Less: Noncash expenses	10,000	10,000	10,000	30,000				
62		Cash S & A expenses	<u>\$ 70,000</u>	<u>\$ 85,000</u>	<u>\$ 75,000</u>	<u>\$ 230,000</u>				
63										

Mục tiêu 8



Kết cấu của dự toán tiền mặt

Bao gồm 4 phần:

1. Tiền thu về bao gồm tất cả dòng tiền thu vào loại trừ tiền thu từ hoạt động tài chính.
2. Tiền chi ra bao gồm tất cả dòng tiền chi trả loại trừ tiền thanh toán nợ gốc và lãi.
3. Tiền thừa hoặc thiếu hụt trong kỳ quyết định việc Công ty có phải vay tiền hay không, hoặc Công ty có thể thanh toán các khoản nợ vay trước đó hay không.
4. Dòng tiền từ hoạt động tài chính bao gồm tiền vay và trả nợ dự kiến sẽ thực hiện trong kỳ dự toán.

Dự toán tiền mặt

Giả định tại Công ty Royal:

- Chi phí lãi vay 16%/năm
- Duy trì số dư tiền mặt là \$30,000
- Vay tiền vào ngày đầu tiên của tháng và trả nợ vào ngày cuối cùng của tháng.
- Trả \$49,000 cổ tức bằng tiền mặt trong tháng 4
- Mua thiết bị trị giá \$143,700 và \$48,300 trong T5 và T6 (đều thanh toán bằng TM)
- Số dư TM tại 01/4 là \$40,000

Dự toán tiền mặt

M88									
	A	B	C	D	E	F	G	H	I
63			April		May		June		Quarter
64		Beginning cash balance	\$ 40,000		\$ 30,000		\$ 30,000		\$ 40,000
65		Add: Cash collections	170,000		400,000		335,000		905,000
66		Total cash available	210,000		430,000		365,000		945,000
67		Less: Cash disbursements							
68		Materials	40,000		72,300		72,700		185,000
69		Direct labor	15,000		23,000		15,000		53,000
70		Manufacturing overhead	56,000		76,000		59,000		191,000
71		Selling and administrative	70,000		85,000		75,000		230,000
72		Equipment purchase	-		143,700		48,300		192,000
73		Dividend	49,000		-		-		49,000
74		Total disbursements	230,000		400,000		270,000		900,000
75		Excess (deficiency)	(20,000)		30,000		95,000		45,000
76		Financing:							
77		Borrowing	50,000		-		-		50,000
78		Repayments	-		-		(50,000)		(50,000)
79		Interest	-		-		(2,000)		(2,000)
80		Total financing	50,000		-		(52,000)		(2,000)
81		Ending cash balance	\$ 30,000		\$ 30,000		\$ 43,000		\$ 43,000
82									

Mục tiêu 9



Dự toán báo cáo lãi lỗ

Công ty Royal Dự toán Báo cáo lãi lỗ cho 03 tháng kết thúc tại 30/6	
Doanh số (100,000 đv @ \$10)	\$ 1,000,000
Giá vốn hàng bán (100,000 @ \$4.99)	499,000
Lợi nhuận gộp	501,000
CPBH và CPQLDN	260,000
Lợi nhuận hoạt động	241,000
Chi phí lãi vay	2,000
Lợi nhuận sau lãi vay	\$ 239,000

Mục tiêu 10

Lập dự toán Bảng cân đối kế toán



Dự toán bảng cân đối kế toán

Công ty Royal báo cáo số dư các TK trước khi lập dự toán như sau:

- Đất: \$50,000
- Cổ phiếu thường: \$200,000
- Lợi nhuận giữ lại: \$146,150 (01/4)
- Thiết bị: \$175,000

Công ty Royal
Dự toán bảng cân đối kế toán
30/6/N

Tài sản:

Tiền mặt	\$ 43,000
Phải thu khách hàng	75,000
NVL tồn kho	4,600
Thành phẩm tồn kho	24,950
Đất	50,000
Thiết bị	367,000
Tổng tài sản	<u>564,550</u>

Nợ phải trả và vốn chủ SH:

Phải trả người bán	\$ 28,400
Cổ phiếu thường	200,000
Lợi nhuận giữ lại	336,150
Tổng nợ phải trả và vốn chủ SH	<u>\$ 564,550</u>

cuu duong than cong. com

Kết thúc Chương 6

cuu duong than cong. com

Bản quyền thuộc ĐH Kinh tế, ĐHQGHN